

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2018/QĐDS-ST

Ngày 20-7-2018

V/v công nhận kết quả hòa giải thành
ngoài Tòa án

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Minh Huế - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST-VDS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo Quyết định mở phiên họp số: 13/2018/QĐST-VDS ngày 11 tháng 7 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số 20 H, phường L, quận H1, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Bà Trần Thị Thanh B, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 1/2/30/152, L1, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số: 52/QĐ-BIDV.LT ngày 26 tháng 02 năm 2018); có mặt.

Ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2; đều có nơi cư trú: Thôn D, xã T1, huyện A, thành phố Hải Phòng; ông T bà L2 đều vắng mặt.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo đơn yêu cầu, trong quá trình tố tụng và tại phiên họp, người yêu cầu là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng bà Trần Thị Thanh B trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P- Chi nhánh Hải Phòng (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, Chi nhánh L3) với ông Lê Văn T, bà Vũ Thị L2 ký Hợp đồng tín dụng số: T.A.1342.14/HĐTD ngày 04 tháng 02 năm 2014 (Gọi tắt là Hợp đồng tín dụng). Theo nội dung hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cho ông Lê

Văn T và bà Vũ Thị L2 vay số tiền 150.000.000 đồng với mục đích vay để sửa chữa nhà ở; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận nợ vay đầu tiên; lãi suất cho vay được áp dụng theo hình thức thả nổi với mức lãi suất kỳ đầu tiên là 11%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 05 đến 10 hàng tháng, mỗi tháng trả 2.500.000 đồng; kỳ trả nợ đầu tiên phải trả từ ngày 05 đến ngày 10 tháng 01 năm 2015, ngày trả nợ cuối cùng sau 60 tháng kể từ ngày khách hàng nhận khoản nợ vay đầu tiên; trả lãi 01 tháng 01 lần từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 160m² đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228B, tờ bản đồ 10, thôn D, xã T1, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 287741, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00514 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010 đứng tên chủ sử dụng đất ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2. Việc thế chấp đã được lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1217.13/HĐTC ngày 30 tháng 10 năm 2013. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là Ngân hàng, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2, hợp đồng đã được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Đ1, thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 vay số tiền 150.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số T.A.3142.14.GNN. Ông Lê Văn T, bà Vũ Thị L2 đã nhận đủ số tiền đã vay nhưng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà L2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T, bà L2 mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn từ ngày 10 tháng 01 năm 2015 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018 là 80.072.876 đồng (trong đó nợ gốc đã trả là 62.790.000 đồng, nợ lãi trong hạn đã trả là 16.722.466 đồng, lãi quá hạn đã trả là 560.410 đồng).

Tính đến ngày 03 tháng 7 năm 2018, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 còn nợ Ngân hàng số tiền 115.512.210 đồng, (Trong đó: Nợ gốc là 81.210.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.527.231 đồng, lãi quá hạn là 3.774.979 đồng).

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện A, Ngân hàng và ông Lê Văn T, bà Vũ Thị L2 đã thỏa thuận hòa giải thành và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung sau:

- Về số nợ: Tính đến ngày 03 tháng 7 năm 2018, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 còn nợ Ngân hàng số tiền là 115.512.210 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 81.210.000 đồng, lãi trong hạn là 30.527.231 đồng, lãi quá hạn là 3.774.979 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số T.A.1342.14/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2014.

- Về trách nhiệm trả nợ: Ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 115.512.210 đồng (trong đó: Nợ gốc là 81.210.000 đồng,

lãi trong hạn là 30.527.231 đồng, lãi quá hạn là 3.774.979 đồng) và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2018 đến khi ông T, bà L2 trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

- Về thời hạn trả nợ:

+ Từ ngày 04 tháng 7 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 81.210.000 đồng.

+ Từ ngày 04 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi 34.302.210 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 30.527.231 đồng và lãi quá hạn là 3.774.979 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2018 đến khi ông T, bà L2 trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Nếu hết ngày 30 tháng 9 năm 2018, ông T, bà L2 không thực hiện đúng việc trả nợ gốc hoặc hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 không thực hiện đúng việc trả nợ lãi theo thỏa thuận trên thì phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng gồm: Quyền sử dụng 160m² đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228B, tờ bản đồ số 10, thôn D, xã T1, huyện A, Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho ông T, bà L2, nếu thiếu ông T, bà L2 phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Về lệ phí: Ông T, bà L2 chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự.

Theo đơn yêu cầu và trong quá trình tố tụng, người yêu cầu là ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 đều có quan điểm thống nhất với quan điểm của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng về các nội dung trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc giải quyết yêu cầu của người yêu cầu: Đề nghị Tòa án căn cứ các điều 417, 419 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn yêu cầu của Ngân hàng và ông T, bà L2 về việc đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án huyện A. Ông T, bà L2 phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện A nhận định:

- Về việc tiến hành phiên họp vắng mặt người yêu cầu ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2: Người yêu cầu ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 vắng mặt tại phiên họp và có đơn đề nghị Tòa án mở phiên họp vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228

và Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt người yêu cầu ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Đây là việc dân sự: "Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án", nên theo quy định tại khoản 7, Điều 27; điểm s, khoản 2, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

- Xét yêu cầu của người yêu cầu: Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ thẩm quyền và năng lực hành vi dân sự; có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải; nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba; các bên tham gia thỏa thuận hòa giải đều có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả thỏa thuận hòa giải nên thỏa thuận của các bên đương sự được Tòa án chấp nhận.

- Về lệ phí: Các đương sự đã thỏa thuận ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 phải chịu cả lệ phí việc dân sự nên ông T, bà L2 phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự để sung vào ngân sách Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7, Điều 27; điểm s, khoản 2, Điều 39; các điều 143, 149, 367; 369; 370, 417; 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; khoản 1, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Công nhận đơn yêu cầu của Ngân hàng, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 về việc đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với các nội dung sau:

- Về số nợ: Tính đến ngày 03 tháng 7 năm 2018, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 còn nợ Ngân hàng số tiền là 115.512.210 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 81.210.000 đồng, lãi trong hạn là 30.527.231 đồng, lãi quá hạn là 3.774.979 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số T.A.1342.14/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2014.

- Về trách nhiệm trả nợ: Ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 115.512.210 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 81.210.000 đồng, lãi trong hạn là 30.527.231 đồng, lãi quá hạn là 3.774.979 đồng) và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2018 đến khi ông T, bà L2 trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

- Về thời hạn trả nợ:

+ Từ ngày 04 tháng 7 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 81.210.000 đồng.

+ Từ ngày 04 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 ông Lê Văn T và bà Vũ Thị L2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi 34.302.210 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 30.527.231 đồng và lãi quá hạn là 3.774.979 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2018 đến khi ông T, bà L2 trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Nếu hết ngày 30 tháng 9 năm 2018, ông T, bà L2 không thực hiện đúng việc trả nợ gốc hoặc hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 không thực hiện đúng việc trả nợ lãi theo thỏa thuận trên thì phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng gồm: Quyền sử dụng 160m² đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228B, tờ bản đồ số 10, thôn D, xã T1, huyện A, Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Lê Văn T và bà Lê Thị L2.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho ông T, bà L2, nếu thiếu ông T, bà L2 phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Về lệ phí: Ông Lê Văn T, bà Vũ Thị L2 phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Ông T, bà L2 đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 15203 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên ông T, bà L2 không phải nộp nữa.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA dân sự huyện A;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Trương Minh Huế